

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 333/2022/HC-PT
Ngày 05 - 8 - 2022
V/v: *Khởi kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý nhà*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;

Ông Nguyễn Hồng Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhật Phương, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Văn Hữu, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 533/2021/TLPT-HC ngày 15 tháng 12 năm 2021 về việc “*Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 141/2021/HC-ST ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 6510/2022/QĐ-PT ngày 19/7/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1958, vắng mặt;

Địa chỉ: Khu đô thị B, phường B1, quận B2, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trọng A1, sinh năm 1959, có mặt;

Trú tại: Số nhà 44/333, phố B3, phường B4, thành phố B5, tỉnh Hải Dương.

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Sỹ C- Chức vụ: Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội, vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Sở Xây dựng Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Nguyên P, chức vụ: Giám đốc;

Người đại diện thay ủy quyền: Ông Phạm Hữu T, chức vụ: Phó Trưởng phòng quản lý nhà và thị trường bất động sản; ông Lê Hồng T1, chức vụ: Chuyên viên Phòng Quản lý nhà và thị trường bất động sản (theo văn bản ủy quyền số 3676/SXD-QLN ngày 13/5/2021), có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. UBND quận B2, Thành phố Hà nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh T2, chức vụ: Chủ tịch UBND quận;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thanh T3, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND quận (theo văn bản ủy quyền số 875/UBND-TP ngày 22/4/2021), có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. UBND phường B1, quận B2;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T4, chức vụ: Chủ tịch UBND phường, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Công ty TNHH một thành viên quản lý và phát triển C1;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Đức T5, chức vụ: Phó Tổng giám đốc phụ trách Công ty;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Mạnh T6, chức vụ: Phó Phòng Chính sách; ông Nguyễn Tuấn T7, chức vụ: Phó Phòng QLN TĐC, có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Công ty TNHH Thương mại C2;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn T8, chức vụ Giám đốc Công ty, vắng mặt.

* *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị A, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhà Chung cư tái định cư N1 khu đô thị B được đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước do Chủ đầu tư là Ban quản lý Dự án Công trình Giao thông công chính thực hiện (theo Quyết định phê duyệt dự án số 7253/QĐ-UB ngày 24/10/2002 của UBND Thành phố Hà Nội). Ngày 19/8/2011, Chủ đầu tư là Ban quản lý dự án thoát nước Hà Nội (tên gọi cũ của Ban Quản lý Dự án công trình Giao thông công chính) đã lập biên bản bàn giao nhà tái định cư đối với nhà số N1, khu di dân B nêu trên cho bên tiếp nhận công trình nhà ở. UBND Thành phố Hà Nội đã giao Công ty TNHH một thành viên quản lý và phát triển C1 tiếp nhận quản lý; ngày 19/8/2011, Công ty TNHH một thành viên quản lý và phát triển nhà Hà Nội đã tiếp nhận, quản lý đối với nhà N1 thuộc khu đô thị B, quận B2 từ chủ đầu tư là Ban quản lý dự án thoát nước Hà Nội - Sở Xây dựng.

Ngày 03/3/2014, Sở Xây dựng Hà Nội đã có Quyết định số 1185/QĐ-SXD về xác lập quyền sở hữu Nhà nước đối với diện tích nhà dành cho mục đích công cộng và kinh doanh dịch vụ tại chung cư N1. Theo đó, xác lập quyền sở hữu tòa nhà, gồm: Diện tích nhà dành cho mục đích công cộng là 1.165,18m², diện tích dành cho mục đích kinh doanh dịch vụ là 719,04m².

Ngày 26/12/2011, Xí nghiệp Quản lý dịch vụ và khai thác khu đô thị (là đơn vị trực thuộc Công ty TNHH một thành viên quản lý và phát triển C1) đã bàn giao diện tích 430m² tại tầng 1 tòa nhà N1 cho Công ty TNHH Thương mại C2 thuê sử dụng theo biên bản tạm bàn giao, tiếp nhận diện tích kinh doanh, dịch vụ khi chưa có sự chấp thuận của UBND Thành phố Hà Nội. Sau khi tiếp nhận, Công ty TNHH Thương mại C2 đã tự ý chia diện tích nêu trên thành 15 ki ốt cho 15 đối tượng thuê (trong đó có bà Nguyễn Thị A). Việc làm nêu trên của tổ chức cá nhân đã vi phạm pháp luật trong việc chiếm dụng, sử dụng trái phép tài sản của Nhà nước nên đã bị khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử tại Bản án số 183/2019/HSST ngày 12/6/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội kết án đối với một số cá nhân sai phạm.

Do đó, ngày 10/02/2017 UBND Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 810/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích nhà thuộc sở hữu Nhà nước tại tầng 1 nhà chung cư N1 B, quận B2, Thành phố Hà Nội.

Ngày 24/7/2017, UBND Thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 4832/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi diện tích nhà thuộc sở hữu Nhà nước tại tầng 1 nhà chung cư N1 B, quận B2, Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là Quyết định 4832).

Ngày 24/12/2019, UBND Thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 7267/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi diện tích tầng 1 nhà chung cư N1 B, quận B2, Thành phố Hà Nội (lần 2) (sau đây gọi tắt là Quyết định 7276).

Ngày 26/8/2020, UBND Thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 3815/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi diện tích tầng 1 nhà chung cư N1 B, quận B2, Thành phố Hà Nội (lần 3) (sau đây gọi tắt là Quyết định 3815).

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện là Nguyễn Thị A và người đại diện trình bày như sau:*

Quyết định số 7267 là trái quy định của pháp luật. Bởi vì, UBND Thành phố Hà Nội ban hành quyết định cưỡng chế khi chưa có biên bản vi phạm hành chính và quyết định xử phạt vi phạm hành chính; bà A đã đầu tư hơn 200.000.000đ vào ki ốt bị cưỡng chế, vì khi bà nhận thì nhà đã hư hỏng, xuống cấp; UBND Thành phố Hà Nội đã giao diện tích nhà cho Công ty C2 và Công ty C2 đã giao nhà, thu tiền thuê nhà và tiền thuế của bà nhưng quyết định cưỡng chế lại cho rằng bà là người chiếm giữ trái phép; quyết định 7267 có nhiều lỗi chính tả, không thể hiện là một quyết định hành chính của cơ quan Nhà nước. Do đó, bà Nguyễn Thị A khởi kiện yêu cầu UBND Thành phố Hà Nội thu hồi Quyết định 7267, đồng thời công khai xin lỗi bà vì đã vu cáo bà là người chiếm giữ trái phép tài sản.

Ngày 28/4/2021, người đại diện theo ủy quyền của bà A có đơn khởi kiện bổ sung, đề nghị Tòa án xem xét tính hợp pháp của các quyết định nêu trên.

** Người bị kiện là UBND Thành phố Hà Nội có ý kiến:*

Nhà chung cư tái định cư N1 khu đô thị B được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước do Chủ đầu tư là Ban quản lý dự án Công trình Giao thông công chính thực hiện, theo Quyết định phê duyệt dự án số 7253/QĐ-UB ngày 24/10/2002 của UBND Thành phố Hà Nội. UBND Thành phố Hà Nội đã giao cho Công ty TNHH một thành viên quản lý và phát triển C1 tiếp nhận, quản lý tòa nhà N1 B từ ngày 19/8/2011; phần diện tích kinh doanh dịch vụ được Sở Xây dựng Hà Nội xác lập quyền sở hữu Nhà nước theo quy định.

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 33 Nghị định 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ thì nhà chung cư tái định cư được dành tối thiểu 1/3 diện tích kinh doanh dịch vụ của nhà chung cư cho các hộ gia đình, cá nhân đã được bố trí tái định cư tại tòa nhà thuê (nếu có nhu cầu) thông qua hình thức đấu giá, theo nguyên tắc công khai, minh bạch, nhằm cải tạo công ăn, việc làm cho các hộ gia đình, cá nhân này; kinh phí thu được từ hoạt động kinh doanh sau khi trừ đi chi phí hợp lý, UBND cấp tỉnh sử dụng để hỗ trợ cho kinh phí bảo trì sử dụng chung và hỗ trợ một phần kinh phí cho công tác quản lý, vận hành nhà ở phục vụ tái định cư trên địa bàn. Như vậy, phần diện tích kinh doanh dịch vụ tại nhà tái định cư N1 thuộc sở hữu Nhà nước, do UBND Thành phố Hà Nội là đại diện chủ sở hữu và có trách nhiệm quản lý, khai thác sau đầu tư để thu kinh phí, hỗ trợ công tác quản lý, vận hành; việc khai thác sau đầu tư do UBND Thành phố Hà Nội tổ chức thực hiện và phải tuân thủ quy định của pháp luật (tổ chức đấu giá cho thuê; đối tượng tham gia đấu giá phải đáp ứng điều kiện được pháp luật quy định).

Do Công ty TNHH một thành viên quản lý và phát triển C1 buông lỏng quản lý, nên ngày 26/02/2011, Xí nghiệp Quản lý dịch vụ và khai thác khu đô thị (là đơn vị thuộc TNHH một thành viên quản lý và Phát triển nhà Hà Nội) đã tự ý bàn giao diện tích 430m² tại tầng 1 nhà N1 khu B cho Công ty TNHH Thương mại C2 thuê sử dụng theo biên bản tạm giao, tiếp nhận diện tích kinh doanh, dịch vụ khi chưa có sự chấp thuận của UBND Thành phố Hà Nội. Sau khi tiếp nhận, Công ty TNHH Thương mại C2 đã tự ý chia diện tích nêu trên thành 15 ki-ốt cho 15 đối tượng thuê (trong đó có bà Nguyễn Thị A). Việc làm nêu trên của tổ chức cá nhân đã vi phạm pháp luật trong việc chiếm dụng, sử dụng trái phép tài sản của Nhà nước nên đã bị khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử tại Bản án số 183/2019/HSST ngày 12/6/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội kết án đối với một số cá nhân sai phạm.

Như vậy, thực tế bà Nguyễn Thị A đã chiếm dụng trái phép diện tích kinh doanh dịch vụ tại tầng 1, nhà N1 khu B thông qua hợp đồng ký kết với Công ty TNHH Thương mại C2; đây là quan hệ dân sự. Tuy nhiên, hợp đồng này được ký kết xâm phạm nghiêm trọng đến quyền sở hữu tài sản Nhà nước và theo quy định các cơ quan có quyền áp dụng các biện pháp cần thiết theo quy định để buộc các bên phải chấm dứt việc xâm phạm này. Do đó, UBND Thành phố Hà Nội đã ban

hành Quyết định 7267 cưỡng chế thu hồi diện tích nhà nêu trên là đúng quy định tại Điều 84 Luật nhà ở năm 2014 và Điều 46 Nghị định 99 của Chính phủ.

Vì vậy, việc khởi kiện của bà Nguyễn Thị A là không có căn cứ, nên UBND Thành phố Hà Nội không chấp nhận, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Sở Xây dựng Hà Nội trình bày: Nhất trí như ý kiến của UBND Thành phố Hà Nội;*

** UBND quận B2 và UBND phường B1 trình bày: Quyết định cưỡng chế thu hồi diện tích nhà thuộc sở hữu Nhà nước của UBND Thành phố Hà Nội đã giao cho UBND quận thực hiện việc cưỡng chế; UBND quận đã thực hiện đúng nhiệm vụ được nêu tại khoản 1 Điều 2 quyết định cưỡng chế; trong quá trình triển khai gặp một số khó khăn, vướng mắc, UBND quận, UBND phường đã kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xin ý kiến chỉ đạo. UBND quận B2 và UBND phường B1 không có ý kiến gì khác ngoài việc chấp hành theo chỉ đạo của UBND Thành phố Hà Nội.*

** Công ty TNHH một thành viên quản lý và phát triển C1, trình bày: Đề nghị người khởi kiện và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến Quyết định 7267 nghiêm túc thực hiện, thi hành quyết định cưỡng chế của UBND Thành phố Hà Nội.*

Với nội dung trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 141/2021/HC-ST ngày 29/6/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã quyết định: Căn cứ Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204; Điều 206; Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Luật đất đai năm 2013; Luật quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước năm 2008; Luật quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điều 84 Luật nhà ở năm 2014; Điều 39; Điều 41; Điều 45; Điều 46 Nghị định 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật nhà ở; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A gồm: Yêu cầu hủy Quyết định số 7267/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của UBND Thành phố Hà Nội về việc cưỡng chế thu hồi diện tích tầng 1 nhà chung cư tái định cư N1 khu đô thị B, quận B2, Thành phố Hà Nội (lần 2); yêu cầu xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 4832/QĐ-UBND, ngày 24/7/2017 của UBND Thành phố Hà Nội về việc cưỡng chế thu hồi diện tích nhà thuộc sở hữu Nhà nước tại tầng 1 nhà chung cư N1 B, quận B2, Thành phố Hà Nội; Quyết định số 3815/QĐ-UBND, ngày 26/8/2020 của UBND Thành phố Hà Nội về việc cưỡng chế thu hồi diện tích tầng 1 nhà chung cư N1 B, quận B2, Thành phố Hà Nội (lần 3); yêu cầu UBND Thành phố Hà Nội phải xin lỗi bà Nguyễn Thị A vì đã vu cáo bà là người chiếm giữ trái phép trong Quyết định số 7267/QĐ-UBND ngày 24/7/2019.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 810/QĐ-UBND, ngày 10/02/2017 của UBND Thành phố Hà Nội về việc thu hồi diện tích nhà thuộc sở hữu Nhà nước tại tầng 1 nhà chung cư N1 B, quận B2, Thành phố Hà Nội.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/7/2021 Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội nhận được đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị A với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của người kháng cáo thay đổi nội dung kháng cáo là đề nghị sửa bản án sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của bà A.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị A trình bày như sau: Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội chưa đánh giá đúng nội dung và bản chất vụ án, nên đã bác toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của người khởi kiện là trái pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi ích hợp pháp của người khởi kiện. Khi UBND Thành phố Hà Nội thu hồi đất thì các hộ dân vẫn đang quản lý, sử dụng các ki ốt này thông qua việc hợp đồng thuê của Công ty C2, không phải chiếm dụng trái pháp luật. Về chủ trương thu hồi các hộ dân đồng tình nhưng phải tiến hành các trình tự, thủ tục về thu hồi đất để bồi thường tài sản cho các hộ dân, nhưng UBND Thành phố đã không bồi thường làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi ích của bà A. Vì vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của bà A là có căn cứ, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến Kiểm sát viên và đương sự về giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

** Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là Quyết định số 7267/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của UBND Thành phố Hà Nội về việc cưỡng chế thu hồi diện tích tầng 1 nhà chung cư tái định cư N1 khu đô thị B, quận B2, Thành phố Hà Nội (lần 2). Đây là quyết định hành chính cá biệt của UBND cấp tỉnh, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm là của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Ngày 24/12/2019 UBND Thành phố Hà Nội ban hành quyết định hành chính, đến ngày 28/5/2020 bà Nguyễn Thị A nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội là đang trong thời hạn một năm, nên đang trong thời hiệu khởi kiện. Vì vậy, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bổ sung yêu cầu khởi kiện là đề nghị xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 4832/QĐ-UBND, ngày 24/7/2017 của UBND Thành phố Hà Nội về việc cưỡng chế thu hồi diện tích nhà thuộc sở hữu Nhà nước tại tầng 1 nhà chung cư N1 B, quận B2, Thành phố Hà Nội; Quyết định số 3815/QĐ-UBND, ngày 26/8/2020 của UBND Thành phố Hà Nội về việc cưỡng chế thu hồi diện tích tầng 1 nhà chung cư N1 B, quận B2, Thành phố Hà Nội (lần 3); Quyết định số 810/QĐ-UBND, ngày 10/02/2017 của UBND Thành phố Hà Nội về việc thu hồi diện tích nhà thuộc sở hữu Nhà nước tại tầng 1 nhà chung cư N1 B, quận B2, Thành phố Hà Nội, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý bổ sung yêu cầu khởi kiện để xem xét các quyết định liên quan nêu trên là đúng quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện rút yêu cầu khởi kiện đối với Quyết định 810; xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của bà A là đúng quy định tại Điều 173 Luật tổ tụng hành chính.

[4] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án và sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm người khởi kiện có kháng cáo vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền; người bị kiện vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, hầu hết những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có yêu cầu xử vắng mặt, hoặc đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 158; khoản 4 Điều 225 Luật tổ tụng hành chính.

** Về nội dung vụ án:*

[5] Xét kháng cáo của phía người khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy:

[5.1] Căn cứ Quyết định số 1182/QĐ-SXD ngày 03/3/2014 của Sở Xây dựng Thành phố Hà Nội thì nhà chung cư tái định cư thuộc khu đô thị B, quận B2, Thành phố Hà Nội thuộc sở hữu của Nhà nước, trong đó có cả phần diện tích tầng

1 thuộc khu kinh doanh dịch vụ; Sở Xây dựng Thành phố Hà Nội là cơ quan được UBND Thành phố Hà Nội giao đại diện chủ sở hữu; Công ty TNHH một thành viên quản lý và phát triển C1, thuộc Sở Xây dựng Hà Nội là đơn vị trực tiếp quản lý. Ngày 19/8/2011 Công ty TNHH một thành viên quản lý và phát triển C1 đã tiếp nhận quản lý đối với tòa nhà chung cư tái định cư N1 B. Ngày 26/12/2011, Xí nghiệp Quản lý Dịch vụ và khai thác khu đô thị (là đơn vị thực thuộc Công ty TNHH một thành viên quản lý và phát triển C1) đã bàn giao diện tích 430m² tại tầng 1 tòa nhà N1 cho Công ty TNHH Thương mại C2 thuê sử dụng theo biên bản tạm giao, tiếp nhận kinh doanh dịch vụ và sử dụng khi chưa được sự chấp thuận của UBND Thành phố Hà Nội. Việc làm trên đã vi phạm việc chiếm giữ, sử dụng trái phép tài sản của Nhà nước. Do đó, việc Xí nghiệp Quản lý Dịch vụ và khai thác khu đô thị tự ý bàn giao diện tích 430m² tầng 1 nhà N1 là việc làm trái luật. Chính vì vậy, một số cá nhân có liên quan đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Đối với Công ty TNHH Thương mại C2 sau khi tiếp nhận theo biên bản tạm giao, nhưng đã tự ý chia diện tích nêu trên thành 15 ki ốt cho 15 đối tượng thuê (trong đó có bà Nguyễn Thị A) là vi phạm điều cấm của pháp luật, trái với quy định. Hơn nữa, việc cho thuê các ki ốt không thông qua hình thức đấu giá, không có hợp đồng thuê, nên đây là giao dịch dân sự vô hiệu. Do đó, bà Nguyễn Thị A cho rằng mình là chủ sở hữu hợp pháp của ki ốt số 2 tầng 1 nhà N1 khu B là không có căn cứ. Vì vậy, UBND Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định 810 thu hồi diện tích nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước đối với diện tích 430m² nêu trên (trong đó có ki ốt bà A Thuê) là đúng quy định của pháp luật.

[5.2] Căn cứ nội dung Quyết định 810 thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành các tổ chức, cá nhân có liên quan phải chấp hành. Tuy nhiên, quá thời hạn 30 ngày các hộ dân vẫn không chấp hành, nên UBND Thành phố Hà Nội phải ban hành quyết định số 4832 về việc cưỡng chế, thu hồi diện tích nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước là đúng quy định tại Điều 84 Luật nhà ở; Điều 46 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ. Do các hộ gia đình không thực hiện theo quyết định cưỡng chế và thời hạn được ấn định trong quyết định cưỡng chế đã hết, nên buộc UBND Thành phố Hà Nội phải ban hành các quyết định cưỡng chế lần 2, lần 3 là các Quyết định 7267 và Quyết định 3815 để cưỡng chế là có căn cứ.

[5.3] Xét về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các quyết định cưỡng chế, thấy: Căn cứ Quyết định 810 thì Sở Xây dựng có trách nhiệm chỉ đạo Công ty TNHH một thành viên quản lý và phát triển C1 chủ trì, phối hợp với UBND quận B2, UBND phường B1 và các đơn vị có liên quan thực hiện. Do đó, Công ty TNHH một thành viên quản lý và phát triển C1 đã có thông báo yêu cầu Công ty TNHH Thương mại C2 thanh toán số tiền còn nợ và bàn giao trả lại toàn bộ diện tích nhà; hết thời hạn thông báo, Công ty TNHH Thương mại C2 không thực hiện, Công ty TNHH một thành viên quản lý và phát triển C1 đã có báo cáo gửi Sở Xây dựng Hà Nội; trên cơ sở đó, Sở Xây dựng Hà Nội đã có tờ trình đề nghị UBND Thành phố ban hành quyết định cưỡng chế; căn cứ tờ trình của Sở Xây dựng, UBND Thành phố Hà Nội đã ban hành các quyết định cưỡng chế nêu trên là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Tổng hợp các phân tích trên, thấy rằng: Cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ; quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, đã xem xét đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của các bên đương sự; tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[6] Về án phí phúc thẩm: Người kháng cáo không được chấp nhận lẽ ra phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật, nhưng bà A là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn án phí nên miễn án phí phúc thẩm cho bà A.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật tổ tụng hành chính;

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là Nguyễn Thị A; giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 141/2021/HC-ST ngày 29/6/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho Nguyễn Thị A.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- Cục THADS Thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án, phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm